

**TOÀ ÁN N DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5- 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các hội thẩm N dân: 1. Ông Điều Toàn
2. Ông Nguyễn Chí Vương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án N dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn N gia đình thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm 1989 (Có yêu cầu vắng mặt).

Trú tại: Tổ 2, ấp Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Lê Hiếu N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 7, ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của chị Thị T:

Chị T và anh N tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Tân Hiệp, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên N do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, sau khi phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng đã không còn chung sống

cùng nhau từ năm 2013 đến nay. Sau nhiều năm không còn sống chung thì vợ chồng đã không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Hiếu N, sinh ngày 10/7/2010 và Lê Hiếu L, sinh ngày 10/7/2010, khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hiếu N đã được Tòa án N dân huyện Hớn Quản tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không lý do. Anh N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn, anh N không chấp hành triệu tập của Tòa án, không có ý kiến về việc ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị T ly hôn với anh N. Về con chung giao con chung Lê Hiếu N, Lê Hiếu N cho chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, do chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Hiếu N có nơi cư trú tại xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Anh N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, chị T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn N: Chị T và anh N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban N dân xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 26/02/2010 nên đây là hôn N hợp pháp theo quy định của Luật hôn N và gia đình.

Chị T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên N do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã và sau nhiều năm sống ly thân thì vợ chồng đã không còn tình cảm, mục đích hôn N không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo nhưng anh N không đến tòa để có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T chứng tỏ anh N không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ với chị T. Từ đó, có cơ sở xác định vợ chồng thật sự có mâu thuẫn, mục đích hôn N không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Con chung Lê Hiếu L và Lê Hiếu N hiện tại đang do chị T nuôi dưỡng và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, anh N không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, xét nguyện vọng của con trên 07 tuổi, mặc khác đảm bảo cuộc sống ổn định hiện tại của con chung Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Lê Hiếu L, Lê Hiếu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn N: Chị Thị T được ly hôn với anh Lê Hiếu N.

[2] Về con chung: Giao con chung Lê Hiếu N, Lê Hiếu L cùng sinh ngày 10/7/2010 cho chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Thị T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn N và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0001835 ngày 14/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện Hớn Quản;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Hồ Văn Thanh

- Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND huyện Hớn Quản
 - Các đương sự
 - Nơi ĐKKH
 - CCTHADS huyện Hớn Quản
 - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thủy